TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TB** **TỈNH PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Thị.

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký ghi biên bản Pên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia Pên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT.

* *Bị đơn:* Anh Lê Đức V**,** sinh năm 1980 ; Địa chỉ: Khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT.

(Chị H, anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 10 tháng 9 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Xá (nay là Ủy ban nhân dân xã HC), huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Vợ chồng chị làm nghề tự do, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Khoảng từ năm 2023, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, anh V nhiều lần đánh đập chị. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải để chị H và anh V hàn

gắn nhưng không thành, chị và anh V đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không về chung sống với nhau được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay cả 02 con chung đều đang ở với anh V. Nay ly hôn, chị H tôn trọng nguyện vọng của các con chung là được ở với anh V.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Lê Đức V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 10 tháng 9 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Xá (nay là Ủy ban nhân dân xã HC), huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống tại khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Anh và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không về chung sống với nhau được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh V cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay cả 02 con chung đều đang ở với anh V. Quan điểm của anh V là xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tòa án đã lấy ý kiến về quan điểm của các con chung là cháu Lê Thị Minh C và cháu Lê Hoàng P:* Tại bản tự khai ngày 20/3/2025, cháu C và cháu P đều có nguyện vọng xin ở với anh V để tiện cho việc đi lại, học hành của các cháu.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951, địa chỉ: Khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT (là mẹ đẻ của anh V), xác định:* Anh V và chị H kết hôn với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh V và chị H về chung sống tại khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống, chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp. Từ năm 2024 đến nay, chị H và anh V ly thân, không còn chung sống với nhau tại địa phương; Về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay, con chung của anh chị đang ở cùng nhà riêng của anh chị tại khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Bà Nguyễn Thị K là người trực tiếp chăm sóc cho cháu C và cháu P. Anh V đi làm tại tỉnh Tuyên Quang và thường xuyên gửi tiền về cho bà K để bà K lo cho việc ăn học, sinh hoạt của 02 cháu. Nếu anh V chị H ly hôn, quan điểm của bà K là đề nghị Tòa án giao 02 con

chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh V để nuôi 02 con chung.

** Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia Pên toà, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H;

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V.

[2]. *Về con chung*: Anh Lê Đức V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011; Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Đức V.

[3]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Chị H, anh V đều không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh V là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày ngày 10 tháng 9 năm 2008 tại UBND xã Thanh Xá (nay là

UBND xã HC), huyện TB, tỉnh PT, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh V hiện nay đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau; không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh V cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay cả 02 con chung được anh V và mẹ đẻ anh V là bà Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh V xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Xét yêu cầu của anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực tế, 02 con chung đang được anh V và mẹ đẻ anh V là bà Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học ổn định. Nguyện vọng của 02 con chung là xin được ở với anh V và chị H cũng nhất trí để cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Vì vậy, cần công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con chung là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi và chị H cũng có quan điểm không cấp dưỡng nên không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác*: Chị H và anh V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà số: 0000989 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện TB. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 150.000 đồng, là phù hợp.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại Pên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhân thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức V.

[2]. *Về con chung*: Giao cho anh Lê Đức V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Thị Minh C, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Hoàng P, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng được anh Lê Đức V. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Đức V không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm nghìn đồng)*. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000989 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện TB. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 150.000 đồng *(Một trăm năm nghìn đồng)*.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã HC;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Nguyễn Bình Luyến